TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/DS-ST
Ngày: 12-7-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng;

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N.N**

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N.N là ông **Ngô Thanh Bình**, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N.N- chi nhánh TP., Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 126, ấp Khu 3, xã TP., huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Theo quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27/12/2019.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Thanh Bình là ông **Nguyễn Hữu Minh**, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N.N- chi nhánh TP., Sóc Trăng. (có mặt)

Địa chỉ: Số 126, ấp Khu 3, xã TP., huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 01/01/2021.

- *Bị đơn*: Bà **N.T.N.**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **N.V.M.**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **N.T.Đ**(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà **N.T.T.H**(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng

4. Ông **N.D.T**(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng

5. Ông **N.D.P**(có mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng

6. Ông **N.D.T**(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng

7. Bà **P.N.X.**(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Minh trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, bà N.T.N. có ký Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700236/HĐTD ngày 13/6/2017 với Ngân hàng N.N. Số tiền vay được nhận ngày 13/6/2017 là 220.000.000 đồng, phân kỳ trả nợ hàng năm với thời hạn trả cuối đến ngày 05/6/2022,lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà N.T.N. đã dùng tài sản của mình để thế chấp cho Ngân hàng N.N theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201700236/HĐTC ngày 13/6/2017 ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt với bà N.T.N. và ông N.V.M..

Biện pháp đảm bảo: Thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chúng nhận quyền sử dụng đất số B 710688 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 23/5/1994 cho ông N.V.M. đứng tên theo hợp đồng thế chấp số 7608LCP201700236/HĐTC ngày 13/6/2017 ký giữa Ngân hàng N.N với bà N.T.N., ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông Nguyễn Duy Phong, ông N.D.Tvà bà Phan Ngọc Xây.

Quá trình vay vốn bà N.T.N. không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng N.N. Do bà N.T.N. vi phạm hợp đồng.

Nay Ngân hàng N.N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N.T.N. và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2023 là 336.022.111đồng (Trong đó: Tiền gốc là 198.000.000 đồng, tiền lãi là 142.665.167 đồng) và tiếp tục tính lãi quá hạn đến ngày bà N.T.N. thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà N.T.N. không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà N.T.N. trình bày: Bà N.T.N. thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng N.N với số tiền theo như trình bày của Ngân hàng N.N và khi vay vốn có thế chấp quyền sử dụng đất như Ngân hàng N.N trình bày. Do, hoàn cảnh khó khăn nên chưa thanh toán được cho Ngân hàng N.N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N.D.Ptrình bày: Thống nhất lời trình bày của bà N.T.N..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà P.N.X.đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà P.N.X.vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà P.N.X.đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân X, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.N buộc bà N.T.N. có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N.N số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2023 là 336.022.111đồng (Trong đó: Tiền gốc là 198.000.000 đồng, tiền lãi là 142.665.167 đồng) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 13/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Bà N.T.N. phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trường hợp, bà N.T.N. không thanh toán nợ thì Ngân hàng N.N yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N.N khởi kiện yêu cầu bà N.T.N. thanh toán số tiền nợ vay theo các hợp đồng tín dụng. Bà N.T.N. đăng ký thường trú tại ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà P.N.X.đã được Tòa án nhân dân huyện X tống đạt Thông báo thụ lý vụ án để thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.N và triệu tập hòa giải hai lần, nhưng cả hai lần ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà P.N.X.đều vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được mà phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà P.N.X.lại tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông N.D.Tvà bà Phan Ngọc Xây.

[3] Về nội dung vụ án: Ngân hàng N.N với bà N.T.N. đã ký Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700236/HĐTD ngày 13/6/2017 với mục đích cải tạo ao nuôi tôm và nuôi tôm sú với số tiền 220.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, bà N.T.N. không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi và gốc cho Ngân hàng N.N, bắt đầu vi phạm thời hạn thanh toán nợ lãi theo thỏa thuận trên hợp đồng kể từ ngày 05/6/2020. Do bà N.T.N. đã vi phạm thỏa thuận thanh toán lãi và gốc theo hợp đồng nên Ngân hàng N.N yêu cầu bà N.T.N. thanh toán nợ vay theo hợp đồng là có căn cứ, được chấp nhận. Tính đến ngày 12/7/2023 bà N.T.N. còn nợ số tiền là 336.022.111đồng (Trong đó: Tiền gốc là 198.000.000 đồng, tiền lãi là 142.665.167 đồng) nên buộc bà N.T.N. phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N.N số tiền nêu trên.

[4] Ngân hàng N.N yêu cầu bà N.T.N. phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trên hợp đồng kể từ sau ngày 12/7/2023 đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên buộc bà N.T.N. phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng, kể từ ngày 13/7/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Ngân hàng N.N chỉ yêu cầu bà N.T.N. thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng N.N mà không đặt ra yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm với bà N.T.N. thanh toán số nợ trên do bà N.T.N. ký hợp đồng với Ngân hàng N.N nên chỉ buộc bà N.T.N. toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng N.N là có căn cứ.

[6] Ngân hàng N.N yêu cầu trong trường hợp bà N.T.N. không thanh toán đầy đủ số tiền trên cho Ngân hàng N.N thì đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền ưu tiên phát mãi quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ là quyền sử

dụng đất số B710688 do UBND huyện X cấp ngày 23/5/1994, vào sổ cấp giấy 00034, thửa đất số 40, 31, 29 và 50, tờ bản đồ số 04, tổng diện tích 20.930m^2, địa chỉ ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Hội đồng xét thấy, khi bà N.T.N. vay vốn tại Ngân hàng N.N các bên ký hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700236/HĐTD ngày 13/6/2017 được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201700236/HĐTC ngày 13/6/2017 được ký giữa Ngân hàng N.N với bà N.T.N., ông N.V.M., ông Nguyễn Thanh Điền, bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, ông Nguyễn Duy Thanh, ông Nguyễn Duy Phong, ông N.D.Tvà bà Phan Ngọc Xây. Hợp đồng thế chấp được các bên trực tiếp ký kết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được đăng ký theo quy định của pháp luật và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được công chứng tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7608LCP201700236/HĐTC ngày 13/6/2017 là hợp pháp, nhằm đảm bảo cho khoản vay của bà N.T.N.. Đồng thời, căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05 tháng 7 năm 2021 thì tài sản thế chấp nêu trên vẫn đang do ông N.V.M. trực tiếp quản lý, không phát sinh giao dịch với người thứ ba. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N.N về việc yêu cầu bán đấu giá tài sản nêu trên thu hồi nợ trong trường hợp bà N.T.N. không thanh toán nợ.

Về tài sản gắn liền với đất, qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì trên phần đất thửa số 31 có 01 căn nhà của ông N.V.M., nhà có kết cấu ngang 7m, dài 14, mái tol, vách thiết + lá, nền gạch men, cột gỗ + bê tông. Thửa số 29 có 01 căn nhà của ông Nguyễn Duy Phong, có chiều ngang 4m, dài 9m, mái tol, vách tol nền gạch men. Xét thấy mặc dù các bên không có thỏa thuận thế chấp tài sản trên đất, nhưng căn cứ Điều 325 BLDS năm 2015 và tại phiên tòa ông Phong cũng đồng ý kê biên phát mãi đối với căn nhà của ông Phong nêu trên. Do đó, tài sản là 02 căn nhà nêu trên cũng thuộc tài sản thế chấp và được xử lý chung với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 700.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.N được chấp nhận nên bà N.T.N. phải chịu toàn bộ. Ngân hàng N.N đã nộp tạm ứng 700.000 đồng nên bà N.T.N. có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N.N 700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cụ thể là: 5% x 336.022.111đồng = 16.801.105 đồng. Đối với bà N.T.N., là người cao tuổi (trên 60 tuổi) trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nhan có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng N.N không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, đã nộp 7.409.382 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008250 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

[9] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 218, 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 303, 320, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.N đối với bà N.T.N..

Buộc bà N.T.N. phải thanh toán cho Ngân hàng N.N số tiền 336.022.111đồng (Trong đó: Tiền gốc là 198.000.000 đồng, tiền lãi là 142.665.167 đồng).

Kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2023, bà N.T.N. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N.N thì lãi suất mà bà N.T.N. phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N.N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.N.

2. Trong trường hợp bà N.T.N. không trả nợ cho Ngân hàng N.N thì Ngân hàng N.N có quyền yêu cầu bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 40, 31, 29 và 50, tờ bản đồ số 04, tổng diện tích 20.930m^2 và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 31 là căn nhà của ông N.V.M., nhà có kết cấu ngang 7m, dài 14, mái tol, vách thiết + lá, nền gạch men, cột gỗ + bê tông và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 29 là căn nhà của ông Nguyễn Duy Phong, có chiều ngang 4m, dài 9m, mái tol, vách tol nền gạch men, đất tọa lạc tại ấp H.N, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B710688 vào sổ cấp giấy 00034 do UBND huyện X cấp ngày 23/5/1994 cho ông N.V.M. để thu hồi nợ.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 700.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.N được chấp nhận nên bà N.T.N. phải chịu toàn bộ. Ngân hàng

N.N đã nộp tạm ứng 700.000 đồng nên bà N.T.N. có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N.N 700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: bà N.T.N. không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N.N không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, đã nộp 7.409.382 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008250 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, nên được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn